

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

Số: 919 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính  
Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Long An về việc thành lập Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 13/TTr-HĐQL ngày 04/3/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 14/QĐ-HĐQL ngày 19/12/2014 của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT.UBND tỉnh<sub>SX, KT</sub>;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Phòng NC-KT;
- Lưu: VT, Nh;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nguyên**

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2015

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 919 /QĐ-UBND  
ngày 19 /3/2015 của UBND tỉnh Long An)

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này điều chỉnh đối với công tác quản lý tài chính đối với Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An.
2. Quy chế này áp dụng cho Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An (gọi tắt là Quỹ) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 2. Nguồn vốn hoạt động**

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ vốn điều lệ và các nguồn vốn khác bao gồm:

#### **1. Vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ ban đầu do ngân sách nhà nước cấp là 10 tỷ đồng phân bổ từ nguồn vốn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh, được cấp năm đầu tiên là 05 tỷ đồng và được cấp đủ trong hai năm tiếp theo. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Tài chính.

#### **2. Vốn bổ sung hằng năm từ các nguồn khác:**

- Cấp bổ sung từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để bù đắp khoản hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoạt động bảo vệ môi trường.
- Các loại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, các loại phí bảo vệ tài nguyên môi trường, ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản và các loại phí khác theo quy định của pháp luật.
- Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường thu vào ngân sách nhà nước.
- Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Bảo toàn vốn**

1. Hoạt động của Quỹ thực hiện vì mục tiêu cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh và theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn vốn, được cấp, quản lý và sử dụng vốn theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An và các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương II QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

### **Mục 1 QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CHO VAY LÃI SUẤT ƯU ĐÃI**

#### **Điều 4. Mức vốn và lãi suất cho vay**

1. Mức vốn vay của một dự án không quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng mức đầu tư của dự án.

2. Lãi suất cho vay vốn không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định trong từng thời kỳ hoặc áp dụng lãi suất ưu đãi đối với ngành, lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.

Trường hợp đối tượng vay vốn trả nợ không đúng hạn theo Hợp đồng tín dụng thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay đã được ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ và cho từng nhóm đối tượng.

#### **Điều 5. Thẩm quyền quyết định cho vay**

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ quyết định cho vay đối với các khoản vay trên 01 (một) tỷ đồng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Giám đốc Quỹ quyết định cho vay đối với các khoản vay từ 01 (một) tỷ đồng trở xuống và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật hoặc Hội đồng quản lý quỹ.

#### **Điều 6. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay do giám đốc Quỹ quyết định được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ bảo vệ môi trường, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của cá nhân, tổ chức xin vay vốn, nhưng không quá 03 năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý quyết định nhưng không quá 05 năm.

#### **Điều 7. Trích lập quỹ dự phòng đối với hoạt động cho vay**

Quỹ phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro với mức trích tối thiểu 0,2% của tổng số dư nợ cho vay để xử lý bù đắp các rủi ro trong cho vay. Trường hợp mức trích lớn hơn 0,2% tính trên dư nợ cho vay, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro được hạch toán vào cho phí hoạt động

của Quỹ.

Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định.

## **Mục 2** **QUẢN LÝ VỐN HỖ TRỢ TÀI CHÍNH**

### **Điều 8. Đối tượng nhận hỗ trợ tài chính**

Đối tượng nhận hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An được quy định tại Khoản 1 Điều 15 Hỗ trợ tài chính của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh Long An.

### **Điều 9. Điều kiện để các chương trình, dự án, hoạt động môi trường được nhận hỗ trợ tài chính**

1. Chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xác nhận thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này
2. Đối với các dự án bảo vệ môi trường, chủ đầu tư phải có ít nhất 50% tổng kinh phí để thực hiện dự án đó.
3. Hồ sơ xin hỗ trợ tài chính được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký hợp đồng hỗ trợ tài chính.
4. Thủ tục hỗ trợ tài chính được thực hiện theo Quy trình hỗ trợ tài chính do Giám đốc Quỹ ban hành

### **Điều 10. Mức hỗ trợ tài chính**

1. Tổng mức hỗ trợ tài chính tối đa bằng 50% tổng kinh phí đầu tư về bảo vệ môi trường của chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường.  
Tổng số tiền hỗ trợ tài chính hàng năm không quá 50% vốn bổ sung hàng năm của Quỹ.
2. Hàng năm, Quỹ đề xuất các nội dung, tổng mức hỗ trợ tài chính, thông qua Hội đồng quản lý quỹ và trình UBND tỉnh quyết định

## **Mục 3** **QUẢN LÝ TIỀN KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 11. Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường**

1. Căn cứ văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An, Quỹ có văn bản hướng dẫn việc ký quỹ theo quy định.
2. Quỹ xác nhận số lần và tiền ký quỹ tương ứng sau khi đơn vị ký quỹ thực

hiện nộp đầy đủ theo quy định vào tài khoản của Quỹ.

3. Đơn vị ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Quỹ mở tài khoản theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm ký quỹ.

#### **Điều 12. Thanh toán lãi suất**

Quỹ trả lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Quỹ mở tài khoản cho đơn vị ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

#### **Điều 13. Hoàn tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường**

Quỹ thực hiện việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở có văn bản của cơ quan thẩm quyền xác nhận đơn vị ký quỹ đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

### **Mục 4**

## **QUẢN LÝ NGUỒN THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 14. Quản lý nguồn thu**

Thu nhập của Quỹ là toàn bộ các khoản thực thu trong năm theo quy định, thu từ hoạt động nghiệp vụ và thu từ các hoạt động khác:

1. Thu từ các hoạt động nghiệp vụ:

- a) Tiền lãi từ hoạt động cho vay của Quỹ;
- b) Tiền lãi từ tài khoản tiền gửi của Quỹ bảo vệ môi trường tại các tổ chức tín dụng;
- c) Tiền chênh lệch lãi suất từ tiền gửi ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi được UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý quỹ;
- d) Thu từ ngân sách;
- đ) Thu từ các khoản viện trợ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước;
- e) Các khoản thu khác theo quy định.

2. Thu từ hoạt động bất thường:

- a) Các khoản thu phạt;
- b) Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ;
- c) Thu nợ đã xoá nay thu hồi được;
- d) Các khoản thu nhập bất thường khác.

## **Điều 15. Quản lý chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hoá đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện phù hợp theo quy định chung và quy chế này. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Giám đốc Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu. Các khoản chi bao gồm:

### 1. Chi hoạt động nghiệp vụ gồm:

- Chi hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, chi phục vụ thực hiện công việc;

- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo **Điều 7** của Quy chế này. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau;

- Chi thẩm định các dự án cho vay;

- Chi khác cho các hoạt động nghiệp vụ;

### 2. Chi cho cán bộ, viên chức người lao động làm việc tại Quỹ

- Chi tiền lương, tiền công cho người lao động, các khoản phụ cấp lương, các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp;

- Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, thành viên Ban kiểm soát;

- Chi tiền ăn trưa, mức chi hàng tháng cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân viên chức;

- Chi trang phục giao dịch, chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định;

- Chi thuê khoán chuyên môn phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

### 3. Chi phí quản lý

- Chi mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng phẩm...

- Chi cước phí bưu điện, truyền tin bao gồm: phát chuyển nhanh, fax, dịch vụ internet trả theo hoá đơn thực tế;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ, xây dựng và duy trì Website...

- Chi hỗ trợ thông tin liên lạc;

- Chi thanh toán điện nước, y tế, vệ sinh cơ quan;

- Chi xăng dầu, phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn và cho lãnh đạo Quỹ đi công tác.

- Chi công tác phí cho cán bộ, nhân viên theo quy định hiện hành.

- Chi tuyên truyền quảng cáo, chi phí giao dịch đối ngoại, tiếp khách, tổ chức hội nghị, hội thảo...

- Chi cho việc thanh tra, kiểm tra theo quy định.
- Chi học tập kinh nghiệm
- Chi phí quản lý khác theo quy định

4. Chi phí hoạt động tài chính: bao gồm chi phí thuê tài sản và các hoạt động tài chính khác.

5. Các khoản chi bất thường

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá
- Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định.
- Chi bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định.
- Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ.
- Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng;
- Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án theo quy định;
- Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định.
- Các khoản chi khác theo quy định.

## **Mục 5** **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN**

### **Điều 16. Tài sản của Quỹ**

1. Nhà nước giao tài sản cho Quỹ quản lý và sử dụng hoặc Quỹ mua sắm bằng tiền do ngân sách nhà nước cấp, có nguồn từ ngân sách nhà nước, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Tài sản được xác lập sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật giao cho Quỹ sử dụng gồm: tài sản tài trợ, viện trợ của các Chính phủ, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và tổ chức quốc tế khác, tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, cho và các tài sản khác được xác lập sở hữu Nhà nước.

### **Điều 17. Quản lý và sử dụng tài sản**

Quỹ thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định hiện hành.

## **Mục 6** **QUẢN LÝ TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ**

### **Điều 18. Cơ cấu tỷ lệ trả thu nhập tăng thêm và trích lập quỹ**

Cuối năm, sau khi cân đối thu - chi, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy

định, kinh phí được trả thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ theo tỷ lệ (%) như sau:

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: trích tối thiểu 25%.

2. Còn lại 75% (tương ứng 100%) được trả thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ gồm:

a) Trả thu nhập tăng thêm: theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ và quy định của pháp luật.

b) Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: trích không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân trong năm, trong đó: Quỹ khen thưởng trích 35% và Quỹ phúc lợi trích 65%.

c) Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: Sau khi trả thu nhập tăng thêm, trích quỹ khen thưởng; phúc lợi, số còn lại trích quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

### **Điều 19. Mục đích sử dụng các Quỹ**

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

a) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản... phục vụ cho phát triển hoạt động của đơn vị.

b) Đầu tư cho nghiên cứu, đào tạo, tập huấn (trong và ngoài nước),... nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho viên chức của Quỹ.

2. Trả thu nhập tăng thêm cho viên chức đã hoàn thành nhiệm vụ và chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Thu nhập tăng thêm được tạm ứng hàng tháng và sẽ thanh toán khi có kết quả quyết toán.

Trường hợp chi trả thu nhập trong năm được trích thấp hơn số được chi trả thu nhập tăng thêm thì số chi vượt được sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bù đắp.

3. Quỹ khen thưởng được dùng khen thưởng cho tập thể cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích hỗ trợ, đóng góp vào hoạt động của quỹ. Mức thưởng do Hội đồng quản lý quỹ quyết định

4. Quỹ phúc lợi được sử dụng chi trợ cấp cho viên chức vào dịp Lễ, Tết Nguyên đán, nghỉ mát hàng năm, hiếu hỉ, trợ cấp khó khăn, chuyển công tác, trang bị đồng phục, khám sức khỏe định kỳ, quà sinh nhật và một số khoản chi khác có tính chất phúc lợi chung của đơn vị.

5. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập dùng chi trả lương cho người lao động trong trường hợp nguồn thu không đủ trả lương cơ bản cho người lao động và bù đắp để trả thu nhập tăng thêm, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi nếu không đủ chi trong năm.

### **Điều 20. Quản lý và sử dụng các quỹ**

Việc trả thu nhập tăng thêm và sử dụng các quỹ phải thực hiện theo quy



định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ được xây dựng theo các quy định pháp luật.

### **Chương III** **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

#### **Điều 21. Lập kế hoạch tài chính**

##### **1. Bổ sung nguồn vốn**

a) Đối với nguồn vốn được ngân sách cấp bổ sung hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập kế hoạch bổ sung nguồn vốn hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xem xét, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với nguồn vốn vận động tài trợ, viện trợ hoặc các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

##### **2. Lập dự toán thu, chi tài chính**

Quỹ có trách nhiệm lập dự toán thu chi tài chính hàng năm, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ban kiểm soát quỹ và trình Hội đồng quản lý phê duyệt.

#### **Điều 22. Chế độ tài chính**

1. Chế độ tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Long An được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu trừ đi tổng chi phát sinh trong năm.

#### **Điều 23. Chế độ kế toán**

1. Bộ phận kế toán Quỹ phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ, thực hiện đúng chế độ tài chính, kế toán quy định của pháp luật. Các khoản chi thực hiện theo dự toán được duyệt, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Kết thúc năm tài chính, lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ vận dụng chế độ kế toán của Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán kế toán.

#### **Điều 24. Báo cáo tài chính**

1. Báo cáo tài chính, kế toán của Quỹ được lập theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo về tính chính xác, trung thực của số liệu.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ phải lập Báo cáo tài chính năm, gửi Ban kiểm soát thẩm định, trình Hội đồng quản lý quỹ thông qua, báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

3. Kết quả hoạt động tài chính hàng năm của Quỹ được công bố công khai theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 25. Kiểm toán**

Quỹ tổ chức kiểm toán nội bộ về tài chính. Kết quả kiểm toán được báo cáo với Hội đồng quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường và ban kiểm soát theo quy định. Trường hợp cần thiết Quỹ có thể thuê đơn vị có chức năng kiểm toán và chi phí thuê kiểm toán được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

#### **Điều 27. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường do Giám đốc Quỹ đề xuất, báo cáo, lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban kiểm soát Quỹ, các thành viên Hội đồng quản lý và Hội đồng quản lý trình UBND tỉnh quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nguyên**